

TP Lai Châu, ngày 22 tháng 5 năm 2025

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Vân Anh.

Thư ký phiên họp: bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Tăng Bá Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2025 về việc “*Hủy việc kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2025/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ trụ sở: Bản Th, xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Mạnh H – Chức vụ: Chủ tịch (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Má A S, sinh ngày 05/01/1998.

Địa chỉ nơi cư trú: Bản Ch, xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Chị Sùng Thị M, sinh ngày 20/5/1995.

Địa chỉ nơi cư trú: Bản Ch, xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai trong quá trình giải quyết việc dân sự của người đại diện theo pháp luật của UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu - ông Hà Mạnh H trình bày:

Qua rà soát sự kiện đăng ký kết hôn UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu đối chiếu với quy định tại khoản 1, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình quy định điều kiện đăng ký kết hôn: Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên. UBND xã P phát hiện anh Má A S và chị Sùng Thị M đăng ký kết hôn trái pháp luật:

Theo giấy chứng nhận kết hôn của anh Má Láo S (sinh ngày 16/3/1994) và chị Sùng Thị M (sinh ngày 20/5/1995) do UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu (nay

là thành phố C, tỉnh Lai Châu) cấp ngày 11/5/2015. Qua tra cứu UBND xã P chỉ lưu trữ Sổ gốc đăng ký kết hôn năm 2015 giữa chị M và anh S thông tin thể hiện chị Sùng Thị M và anh Má Láo S đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 25, quyển số 01, ngày 11/5/2015 của UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy khai sinh số 18 do UBND xã P cấp ngày 30/3/2018, xác định anh Má A S sinh ngày 05/01/1998, ngày 10/02/2025 Công an xã P xác nhận anh Má A S sinh ngày 05/01/1998 và anh Má Láo S sinh ngày 16/3/1994 có địa chỉ Bản Ch, xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu là cùng một người.

Như vậy, có căn cứ để xác định anh Má A S, sinh ngày 05/01/1998, do đó tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Má A S chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Vậy UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai châu yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu hủy đăng ký kết hôn của anh Má A S và chị Sùng Thị M theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01 đăng ký ngày 11/5/2015 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu (nay là thành phố C, tỉnh Lai Châu), và giải quyết quan hệ hôn nhân, việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Má A S và chị Sùng Thị M đều trình bày:

Anh S tên đầy đủ là Má A S sinh ngày 05/01/1998 và chị Sùng Thị M sinh ngày 20/5/1995, hiện nay anh chị đều đăng ký thường trú tại bản Ch, xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Ngày 11/5/2015 anh S và chị M đến UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu (nay là thành phố C, tỉnh Lai Châu) đăng ký kết hôn. Trước đây anh S không có giấy khai sinh, giấy tờ tùy thân ở thời điểm đó anh S có chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu của gia đình đều ghi anh S sinh ngày 16/3/1994 (hiện nay các giấy tờ này đã thất lạc không còn). Trên thực tế anh S sinh ngày 05/01/1998 theo như giấy chứng nhận hoàn thành chương trình cấp tiểu học (năm 2010) bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (năm 2014). Đến năm 2018 gia đình anh S mới làm giấy khai sinh, đến các giấy tờ cá nhân của anh S là giấy khai sinh, căn cước công dân đều ghi thống nhất ngày sinh của anh S là 05/01/1998.

Vì vậy, anh S và chị M nhất trí với với yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của UBND xã P.

Đến nay anh S và chị M chung sống hạnh phúc, cùng mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên anh chị đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh chị từ thời điểm anh S đủ tuổi đăng ký kết hôn.

* Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367; 369, Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên

tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của của UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Đề xuất giải quyết về nội dung việc dân sự sơ thẩm như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Má A S và chị Sùng Thị M theo Giấy chứng nhận kết hôn số theo giấy chứng nhận số 25, quyển số 01, ngày 11/5/2015 của UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu (nay thành phố C, tỉnh Lai Châu) và chấp nhận đề nghị của anh Má A S và chị Sùng Thị M về việc công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm anh S đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, kể từ ngày **05/01/2018**.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu tại phiên họp, Tòa án nhân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu nhận định như sau:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Đây là yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, do việc đăng ký kết hôn cho anh Má A S và chị Sùng Thị M được thực hiện tại UBND xã P, huyện Đ nay là thành phố C, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên họp, Ủy ban nhân dân xã P, thành phố C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt người yêu cầu là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Chị Sùng Thị M và anh Má A S có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/5/2015 tại UBND xã P, huyện Đ nay là thành phố C, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện (theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, ngày 11/5/2015 của UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu ghi anh Má A S là Má Láo S sinh ngày 16/3/1994). Đối chiếu với Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bậc tiểu học ngày 31/5/2010 và Bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở ngày 30/7/2014 (đều có trước thời điểm anh S đăng ký kết hôn), giấy khai sinh, căn cước công dân, của anh Má A S xác định được anh Má A S sinh ngày 05/01/1998, như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh S mới 17 tuổi 4 tháng 06 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều luật quy định điều kiện đăng ký kết hôn: *“Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên”*. Anh S chị M vi phạm điều kiện đăng ký kết hôn. Nhận thức được điều đó nên đến nay anh S, chị M đều nhất trí việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

của UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của UBND xã P về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh S và chị M.

Đến thời điểm hiện tại, anh S đã đủ tuổi kết hôn. Anh S và chị M chung sống hạnh phúc, cùng mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên anh chị đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh chị từ thời điểm anh S đủ tuổi đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh S và chị M kể từ thời điểm anh S đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định.

[3] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh M Á S sinh ngày 05/01/1998 và chị Sùng Thị M sinh ngày 20/5/1995 kể từ ngày 05/01/2018 theo quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí, lệ phí Tòa án UBND xã P không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định theo quy định tại Điều 372 và Điều 373 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ việc dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ việc, vì vậy cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149; Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh M Á S và chị Sùng Thị M theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyển số 01, ngày 11/5/2015 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu (nay là thành phố C, tỉnh Lai Châu).

Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh M Á S sinh ngày 05/01/1998 và chị Sùng Thị M sinh ngày 20/5/1995 kể từ ngày 05/01/2018

[2]. Kiến nghị: Kiến nghị UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Má A S sinh ngày 05/01/1998 và chị Sùng Thị M sinh ngày 20/5/1995 kể từ ngày 05/01/2018 theo quy định của pháp luật.

[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo hoặc niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- UBND xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu.
- Người yêu cầu;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Thị Vân Anh

